

Phụ lục X
**BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG,
TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

MST: 0101431355



Số: MBN-TCNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày // tháng // năm 2016

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của Doanh nghiệp

1.1. Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

a. Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

- DATC trả lương đối với người lao động theo Quy chế quản lý, phân phối quỹ tiền lương cho người lao động số 92/QĐ-MBN ban hành ngày 22/07/2015 của Công ty TNHH MTV Mua Bán Nợ Việt Nam:

+ Quy chế này quy định thống nhất việc quản lý, phân phối quỹ tiền lương cho người lao động làm việc tại Công ty;

+ Quản lý và phân phối quỹ tiền lương đảm bảo tính phù hợp với các quy định của pháp luật và đặc thù của Công ty;

+ Quản lý và phân phối quỹ tiền lương đảm bảo tính công khai, minh bạch và dân chủ;

+ Phân phối quỹ tiền lương cho người lao động phải gắn với mức độ hoàn thành công việc và hiệu quả kinh doanh.

- DATC trả thưởng theo Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi của Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam số 33/QĐ-MBN ngày 04/12/2015: Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho những cá nhân, tập thể CBNV trong Công ty.

b. Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

- DTAC trả lương, thù lao đối với người quản lý căn cứ theo đúng quy định tại Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ (Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu).

+ Tiền lương, thù lao đối với viên chức quản lý chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và có khống chế mức hưởng tối đa.

+ Tiền lương, thưởng, thù lao của Kiểm soát viên được xác định theo quy định tại Nghị định này phải được trích nộp cho chủ sở hữu để hình thành quỹ chung, trên cơ sở đó chủ sở hữu chi trả cho kiểm soát viên theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- DATC trả thưởng theo Quy chế trích lập, phân phối và sử dụng Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam số 32/QĐ-MBN ngày 04/12/2015: Mức khen thưởng của từng NQLDN hàng năm căn cứ kết quả xếp loại NQLDN của Bộ Tài chính; Trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thưởng tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của từng NQLDN; Hoàn thành nhiệm vụ thưởng tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện của từng NQLDN.

1.2. Quỹ tiền lương kế hoạch

a. Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động

Được xây dựng theo Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ (Quy định quản lý tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu)

b. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Được xây dựng theo Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ (Quy định quản lý thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu)

1.3. Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

a. Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

- Chính sách phân phối tiền lương căn cứ theo Quy chế quản lý, phân phối quỹ tiền lương cho người lao động số 92/QĐ-MBN ban hành ngày 22/07/2015 của Công ty TNHH MTV Mua Bán Nợ Việt Nam.

- Chính sách phân phối tiền thưởng căn cứ theo Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi của Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam số 33/QĐ-MBN ngày 04/12/2015.

b. Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp.

- Chính sách phân phối tiền lương căn cứ theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ (Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm



soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu)

- Chính sách phân phối tiền thưởng căn cứ theo Quy chế trích lập, phân phối và sử dụng Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam số 32/QĐ-MBN ngày 04/12/2015:

+ Gắn với kết quả xếp hạng doanh nghiệp của Bộ Tài chính;

+ Mức khen thưởng của từng NQLDN hàng năm căn cứ kết quả xếp loại NQLDN của Bộ Tài chính; 90% trích vào Quỹ thưởng NQLDN hàng năm dùng để thưởng hàng năm gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh và các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với NQLDN theo quy định của Chính phủ về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Quy chế này.

2. Báo cáo Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo 2015		Năm báo cáo 2016
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP: HẠNG ĐẶC BIỆT				
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	188	161	214
2	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	45.893	65.157	71.136
3	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng		16.289	
4	Thu nhập bình quân (tiền lương)	1000đ/tháng	22.497	28.127	27.700
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	11	9	11
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	29.45	24.14	29.45
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	5.832	3.763	4.464
4	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng		470	558
5	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng			
6	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý (tiền lương)	Triệu đồng/tháng	44.18	42.28	40.87

*Đề xuất, kiến nghị về chính sách tiền lương, tiền thưởng: